

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ KHÚC THỪA DỤ

(Biểu số 106/CK TC-NSNN)

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số 1766 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Khúc Thừa Dụ)

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Tên công trình                                                                                      | Thời gian khởi công - hoàn thành | Tổng dự toán được duyệt |                                 | Giá trị thực hiện đến 31/12/2025 | Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025 | Dự toán năm 2026 |                                          |                         |                |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|------------------|------------------------------------------|-------------------------|----------------|
|     |                                                                                                     |                                  | Tổng số                 | Trong đó nguồn đóng góp của dân |                                  |                                      | Tổng số          | Trong đó thanh toán khối lượng năm trước | Chia theo nguồn vốn     |                |
|     |                                                                                                     |                                  |                         |                                 |                                  |                                      |                  |                                          | Nguồn cân đối ngân sách | Nguồn đóng góp |
|     | TỔNG SỐ                                                                                             |                                  | 60,434                  | -                               |                                  | -                                    | 60,434           |                                          |                         |                |
| II  | Công trình chuyển tiếp                                                                              |                                  | 12,412                  |                                 |                                  |                                      | 12,412           |                                          |                         |                |
|     | Công trình Nghĩa trang Liệt sỹ Kiến Quốc                                                            | 2026                             | 12,412                  |                                 |                                  |                                      | 12,412           |                                          |                         |                |
|     | Trong đó: hoàn thành trong năm                                                                      |                                  |                         |                                 |                                  |                                      |                  |                                          |                         |                |
|     | Công trình Nghĩa trang Liệt sỹ Kiến Quốc                                                            | 2026                             | 12,412                  |                                 |                                  |                                      | 12,412           |                                          |                         |                |
| II  | Công trình khởi công mới                                                                            |                                  | 48,022                  |                                 |                                  |                                      | 48,022           |                                          |                         |                |
| 1   | Công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã KTD ( Đoạn từ nhà ông Điện thôn Bồng Lai đến nhà   | 2026                             | 7,000                   |                                 |                                  |                                      | 7,000            |                                          |                         |                |
| 2   | Công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã KTD ( Đoạn từ trục Đông Tây đến nhà Mẫu giáo Quang | 2026                             | 20,000                  |                                 |                                  |                                      | 20,000           |                                          |                         |                |

|   |                                                                                               |      |        |  |  |  |        |  |  |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------|--|--|--|--------|--|--|--|
| 3 | Công trình Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Kiến Quốc                                   | 2026 | 12,622 |  |  |  | 12,622 |  |  |  |
| 4 | Công trình Nhà Vòm - Trường Mầm non Đông Xuyên                                                | 2026 | 1,250  |  |  |  | 1,250  |  |  |  |
| 5 | Công trình Nhà Vòm - Trường Mầm non Hồng Phúc                                                 | 2026 | 1,050  |  |  |  | 1,050  |  |  |  |
| 6 | Công trình Cải tạo, nâng cấp sân vận động trung tâm xã (địa chỉ thôn Bồng Lai)                | 2026 | 5,000  |  |  |  | 5,000  |  |  |  |
| 7 | Công trình phụ trợ trụ sở UBND xã: Hạng mục nhà xe, nhà ăn, sân, rãnh thoát nước              | 2026 | 1,100  |  |  |  | 1,100  |  |  |  |
|   | Trong đó: hoàn thành trong năm                                                                |      |        |  |  |  |        |  |  |  |
| 1 | Công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã KTD ( Đoạn từ nhà ông Điện thôn Bồng Lai đến | 2026 | 7,000  |  |  |  | 7,000  |  |  |  |
| 2 | Công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã KTD ( Đoạn từ trục Đông Tây đến nhà Mẫu      | 2026 | 20,000 |  |  |  | 20,000 |  |  |  |
| 3 | Công trình Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Kiến Quốc                                   | 2026 | 12,622 |  |  |  | 12,622 |  |  |  |
| 4 | Công trình Nhà Vòm - Trường Mầm non Đông Xuyên                                                | 2026 | 1,250  |  |  |  | 1,250  |  |  |  |
| 5 | Công trình Nhà Vòm - Trường Mầm non Hồng Phúc                                                 | 2026 | 1,050  |  |  |  | 1,050  |  |  |  |

